

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thái

2. Ông Cao Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Thôn Q (xóm cũ: Xóm N), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Thôn Q (xóm cũ: Xóm N), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị T1 trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm giữa chị

với anh H không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn H để chị yên tâm làm ăn, sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Hoàng H1, sinh ngày 04/4/2015 và Phạm Hoàng Định H2, sinh ngày 08/10/2020. Hiện tại, con chung đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng đến khi con chung trưởng thành, tự lập.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2025, bà Hoàng Thị H3 - mẹ đẻ của anh Phạm Văn H trình bày:

Gia đình bà đã biết việc chị T1 có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh H. Gia đình đã thông báo cho anh H được biết; tuy nhiên, vì điều kiện công việc anh H đang đi làm xa nên anh H không đến Toà án trình bày quan điểm của mình. Anh H có nói với gia đình bà là anh H không đồng ý ly hôn. Bà xác nhận quá trình kết hôn, con chung của vợ chồng anh H, chị T1 như chị T1 đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng anh H và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm rõ. Có lần vợ chồng chị T1 xảy ra xô sát và chị T1 có đến báo cho vợ chồng bà biết. Cách đây khoảng hai tuần, vợ chồng chị T1 và anh H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị T1 đến thông báo với vợ chồng bà là chị T1 đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng anh H, chị T1 thì bà không nắm rõ.

Yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh H, bà vẫn mong muốn vợ chồng anh H được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị T1 quyết tâm ly hôn thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh H vẫn thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình nên bà nhận trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án và thông báo cho anh H sớm nhất.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 03/01/2025, chính quyền địa phương xã T trình bày:

Chị Phạm Thị T1 và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Quá trình sinh sống, vợ chồng anh H và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Về con chung, vợ chồng anh H, chị T1 có 02 con chung là Phạm Hoàng H1, sinh ngày 04/4/2015 và Phạm Hoàng Định H2, sinh ngày 08/10/2020; hiện tại, con chung đang ở cùng với chị T1. Về tài sản, khoản nợ, công sức đóng góp của vợ chồng chị T1 địa phương không nắm được.

Chính quyền địa phương đã tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình anh H, do anh H đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về thăm gia đình.

Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị T1 đối với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T1 và anh H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T1:

- Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T1 và anh Phạm Văn H.
- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoàng H1, sinh ngày 04/04/2015 và Phạm Hoàng Định H2, sinh ngày 08/10/2020. Giao cho chị Phạm Thị T1 trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Hoàng H1 và Phạm Hoàng Định H2. Việc chị T1 yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành tự lập là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.
- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T1 và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Phạm Thị T1 và anh Phạm Văn H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặc dù anh H không muốn ly hôn nhưng bỏ mặc chị T1 về nhà mẹ đẻ sinh sống không còn quan tâm đến nhau nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T1 để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 và anh H có 02 con chung là Phạm Hoàng H1, sinh ngày 04/4/2015 và Phạm Hoàng Định H2, sinh ngày 08/10/2020. Hiện tại, con chung đang ở cùng với chị T1. Xét nguyện vọng của chị T1 được nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh H trợ cấp nuôi dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi con chung trưởng thành, tự lập được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án trình bày quan điểm gì liên quan đến việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, ổn định và sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Phạm Hoàng H1 và Phạm Hoàng Định H2 cho chị T1 được nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh H có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ, chồng trong vụ án này.

[6] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T1 và anh Phạm Văn H.
2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Hoàng H1, sinh ngày 04/4/2015 và Phạm Hoàng Định H2, sinh ngày 08/10/2020.

Anh Phạm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung, mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập, có khả năng lao động được.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004164 ngày 04/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T1 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn H phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Đại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoàng Giang